

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 04 NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ ngày 29/09/2025 đến ngày 03/10/2025

Tuần 4 tháng 9 năm học 2025-2026											
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/29-09	1	Thịt băm rang	Thịt mông sấn	67	125.000	8.375			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	35	62.000	2.170			Nhân công	2.000	
	3	Canh mồng toi nấu tép	Mồng toi	35	18.000	630			Thuế	1.482	
			Tép	6	155.000	930			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	3,8	35.000	133					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/30-09	1	Thịt gà chiên	Gà CN bỏ cđcc	85	85.000	7.225			Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	55	32.000	1.760			Nhân công	2.000	
			Cà chua	12	20.000	240			Thuế	1.482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	60	20.000	1.200			Khấu hao	300	
			Gà CN bỏ cđcc	20	85.000	1.700					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					

	5		Rau thơm	3,24	35.000	113					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/01-10	1	Giò lợn	Giò lợn	52	155.000	8.060			Chất đốt	1.000	
	2	Khoai tây xào thịt	Khoai tây	56	18.000	1.008			Nhân công	2.000	
			Thịt lợn	15	125.000	1.875			Thuế	1.482	
	3	Canh ngao nấu chua	Ngao	50	18.000	900			Khấu hao	300	
			Giá dứa các loại	10	30.000	300					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	2,7	35.000	95					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/02-10	1	Tôm Chiên (3 con)	Tôm chiên	38	200.000	7.600			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	40	62.000	2.480			Nhân công	2.000	
	3	Canh củ quả nấu xương	Khoai tây cà rốt	55	18.000	990			Thuế	1.482	
			Xương lợn	12	85.000	1.020			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	4,22	35.000	148					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/03-10	1	Thịt băm xào ngô	Thịt săn mỏng vai	57	125.000	7.125			Chất đốt	1.000	
			Ngô, cà rốt	40	30.000	1.200			Nhân công	2.000	
	2	Trứng cút kho	Trứng cút bóc vỏ	25	80.000	2.000			Thuế	1.482	
	3	Canh bí đỏ nấu thịt	Bí đỏ	60	18.000	1.080			Khấu hao	300	
			Thịt nạc	6	125.000	750					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	2,36	35.000	83					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000

Hiệu Trưởng Duyệt



Hoàng Sách Khôi

Người Lập Thực Đơn

Nguyễn Thị Hải Yến